TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 682/2018/HNGĐ- ST
Ngày: 09/8/2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Lệ Quyên

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Trần Đăng Vạn

2/ Ông Nguyễn Chí Qúy

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Lê Hoàng Quân – cán bộ Tòa án nhân dân Quận 9 - thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 - thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Hùng.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 687/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 140/ 2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 199/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1967 (có mặt)
Địa chỉ: đường Đ, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Địa chỉ: đường L, tổ L, khu phố A, phường B, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Nguyễn Trọng N trình bày:

Ông và Bà Nguyễn Thị Thanh H chung sống và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19, Quyển số 0I ngày 20/02/2001.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình chồng tại đường Đ, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, sau đó vợ chồng thuê nhà sống riêng.

Qúa trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có nhiều điểm khác nhau về quan điểm cũng như cách sống, cách sinh hoạt trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2013 vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nhưng vì con nhỏ vợ chồng đã hàn gắn quay về sống chung nhưng vẫn không khắc phục được nên vợ chồng đã tiếp tục sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay. Thời gian ly thân, ông về nhà mẹ ruột ở tại tại đường Đ, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, còn vợ và con sống tại đường L, tổ L, khu phố A, phường B, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian ly thân vợ chồng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục cuộc sống chung nên ông vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Liêm T, sinh ngày 13/11/2004 (Giới tính: Nam). Hiện tại trẻ T đang sống cùng bà H. Ly hôn ông N giao trẻ Thanh cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ Thanh đủ tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông N tự xác định không có. Về nợ chung: Ông N tự xác định không có.

- Bị đơn là Bà Nguyễn Thị Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ kiện nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do cũng như không gởi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của bà H đối với yêu cầu của ông N. Do bà H vắng mặt nên Tòa án nhân dân Quận 9 không thể tiến hành thu thập được lời khai của bị đơn theo quy định pháp luật và không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn Ông Nguyễn Trọng N xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, ông không còn tình cảm với bà H, ông vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với Bà Nguyễn Thị Thanh H, giao con chung tên Nguyễn Liêm T, sinh ngày 13/11/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ Thanh đủ tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: Ông N tự xác định không có. Về nợ chung: Ông N tự xác định không có.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Liêm T - sinh ngày 13/11/2004 cho Bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ T đủ tròn 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 9, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 01/8/2016, Ông Nguyễn Trọng N gửi Đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Thanh H (Hộ khẩu thường trú và ở tại đường Đ, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) và được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý số 1483/2016/TLST – HNGĐ ngày 16/8/2016. Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn là Bà Nguyễn Thị Thanh H hiện đang đăng ký tạm trú và thực tế cư ngụ tại đường L, tổ L, khu phố A, phường B, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh nên ngày 15/6/2017, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định chuyển hồ sơ vụ án số 1130/2017/QĐST-HNGĐ đến Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 14/8/2017, Tòa án nhân dân quận Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý số 687/2017/TLST – HNGĐ về việc ly hôn giữa Ông Nguyễn Trọng N với Bà Nguyễn Thị Thanh H. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H đang cư trú tại tại đường L, tổ L, khu phố A, phường B, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hoà giải, tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Bà Nguyễn Thị Thanh H.

[2] Về nội dung khởi kiện: Ông N yêu cầu ly hôn với bà H, giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trẻ Thanh đủ tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: Ông N tự xác định không có. Về nợ chung: Ông N tự xác định không có. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng N và Bà Nguyễn Thị Thanh H chung sống với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19, Quyển số 0I ngày 20/02/2001. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Ông Nguyễn Trọng N và Bà Nguyễn Thị Thanh H là hợp pháp.

Nguyên nhân ông N yêu cầu ly hôn bà H là do có nhiều điểm khác nhau về quan điểm cũng như cách sống, cách sinh hoạt trong gia đình. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai, không thể tiếp tục cuộc sống chung với bà H.

Khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*".

Hội đồng xét xử xét, quá trình sống chung giữa đôi bên có xảy ra mâu thuẫn, mức độ mâu thuẫn các bên không thể dung hoà được. Xét thấy tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía cùng thương yêu, quý trọng, chăm sóc và cùng có trách nhiệm với nhau. Năm 2013 vợ chồng đã sống ly thân 01 năm nhưng vì con nhỏ vợ chồng đã hàn gắn quay về sống chung nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng đã tiếp tục sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 đến nay và kể từ khi ông N nộp đơn ly hôn và quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà H đều vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy bà H không có biện pháp tích cực để đoàn tụ, không đến Tòa án để cùng tham gia hòa giải đoàn tụ thể hiện không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa ông N và bà H trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc ông N yêu cầu ly hôn với bà H là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Liêm T, sinh ngày 13/11/2004 (Giới tính: Nam). Hiện tại cháu T đang sống cùng bà H. Ly hôn ông N giao cháu Thanh cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ tròn 18 tuổi. Tại Bản tự khai ngày 06/6/2018 của cháu T thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn và bà H cũng có ý kiến trình bày nếu Tòa án cho ly hôn thì bà đồng ý trực tiếp nuôi cháu T và đồng ý ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ tròn 18 tuổi. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho người con được phát triển toàn diện và được sống ổn định, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu T cho bà H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu T và phù hợp quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi cháu T đủ tròn 18 tuổi, bà H cũng đồng ý với mức cấp dưỡng nêu trên của ông N. Xét, sự tự định đoạt của đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do đó, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông N tự xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Vụ án được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý ngày 16/8/2016 nên án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được áp dụng theo Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Do đó Ông Nguyễn Trọng N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 200.000 đồng và 200.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1 Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Nguyễn Trọng N với Bà Nguyễn Thị Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 0I do Ủy ban nhân dân Phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Ông Nguyễn Trọng N với Bà Nguyễn Thị Thanh H không còn giá trị pháp lý.

1.2 Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Liêm T, sinh ngày 13/11/2004 (Giới tính: Nam) cho Bà Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Trọng N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Nguyễn Liêm T đủ tròn 18 tuổi.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc con của người không trực tiếp nuôi con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án nếu chưa thực hiện hết khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chưa thi hành án trên khoản thời gian chưa thi hành án.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Trọng N tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng N phải nộp 200.000 đồng nhưng được cấn trừ tiền tạm ứng án phí 200.000đ ông N đã nộp tại Biên lai thu số 0008504 ngày 12/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chi Minh.

Ông Nguyễn Trọng N phải nộp 200.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDTP.HCM;
- VKSNDQ.9;
- Chi cục THADS Q.9;
- Các đương sự;
-UBND Phường 25, quận Bình Thạnh;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Trần Thị Lệ Quyên